

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày: 18 - 6 - 2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H , TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Mỹ Lệ

*Các hội thẩm nhân dân :*

1. Ông Trần Đức Thọ

2. Bà Khuất Thị Toàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký viên TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST-DSTC ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐ-ST, ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức N - Giám đốc Chi nhánh H. Địa chỉ: Tổ 13 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh B - Phó trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H (*Quyết định v/v uỷ quyền tham gia tố tụng số 201/2020/QĐ-LPBHG-GĐ ngày 04/02/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh H*), có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thu G, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 5 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Nơi công tác: Trường Tiểu học A, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Vàng Thị S, sinh năm 1998.  
Địa chỉ tạm trú: Tổ 5 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Địa chỉ thường trú:  
Thôn N1, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai ngày 27/02/2020 và quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 02 tháng 6 năm 2016 Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh tỉnh H (*Sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) đã ký Hợp đồng tín dụng số 1006/TDH/2016 với bà Lê Thị Thu G để cho bà vay số tiền 190.000.000đ (*Một trăm chín mươi triệu đồng*), mục đích vay để mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 60 tháng, không có tài sản bảo đảm, có người cam kết đồng trách nhiệm trả nợ, lãi suất cho vay do hai bên thoả thuận là 10,25%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần. Phương thức trả nợ gốc và lãi: Trả gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc trả đều hàng tháng là 60 kỳ, 59 kỳ đầu trả mỗi kỳ 3.170.000đ, kỳ cuối cùng trả 2.970.000đ vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ hạn trả lãi: Trả vào 25 hàng tháng, theo dư nợ gốc giảm dần. Căn cứ vào việc xác nhận của lãnh đạo cơ quan nơi bà Lê Thị Thu G đang công tác tại Trường Tiểu học A T, huyện V; Giấy uỷ quyền cho cơ quan giữ lại thu nhập để trả nợ; Cam kết đồng trách nhiệm trả nợ có chữ ký và nhất trí của chị Vàng Thị S ngày 24/5/2016 cùng với các thủ tục vay vốn của bà Lê Thị Thu G, ngày 02/6/2016 Ngân hàng đã giải ngân cho bà Lê Thị Thu G vay số tiền 190.000.000đ (*Một trăm chín mươi triệu đồng*).

Sau khi nhận khoản tiền vay của Ngân hàng, thời gian đầu bà G đã thực hiện việc trả nợ đúng theo thoả thuận. Đến kỳ trả nợ tháng 5 năm 2017 bà G không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo cam kết với ngân hàng, đã để phát sinh nợ quá hạn, bà G và bà S đã vi phạm các thoả thuận, cam kết hợp đồng đã ký với ngân hàng và có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã tiến hành làm việc với lãnh đạo cơ quan nơi bà G công tác được biết bà G đã tự ý bỏ việc và bỏ trốn khỏi nơi cư trú không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho nhà trường cũng như cho Ngân hàng được biết. Tổng số tiền nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/01/2020 bà G và bà S phải trả là 120.181.374đ (*Một trăm hai mươi triệu một trăm tám mươi một nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng*). Trong đó: Dư nợ gốc là 60.500.000đ, lãi quá hạn là 35.298.846đ, lãi phạt lãi 10.266.401đ, lãi phạt gốc 14.116.127đ.

Ngân hàng đã nhiều lần trao đổi qua điện thoại và gửi giấy mời, mời bà G và chị S đến trụ sở ngân hàng để làm việc và đề nghị chị S thực hiện cam kết đồng trách nhiệm thanh toán khoản vay cho Ngân hàng theo thoả thuận nhưng bà G, chị S đều không hợp tác, không đến làm việc theo yêu cầu của Ngân hàng và chị S cũng đã bỏ đi khỏi nơi cư trú không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho Ngân hàng được biết.

Do vi phạm hợp đồng và để phát sinh nợ quá hạn ngân hàng đã có Quyết định thu hồi trước hạn toàn bộ khoản vay, ngày 15/02/2019 ngân hàng đã có Thông

báo v/v thu hồi nợ trước hạn toàn bộ khoản vay của bà Lê Thị Thu G, khi biết thông tin bà G, chị S cũng không có ý kiến phản hồi. Đến ngày 23/5/2020 bà G đã chuyển tài khoản trả cho ngân hàng số tiền gốc 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Tại phiên toà đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Lê Thị Thu G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vàng Thị S phải có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử 18/6/2020 là 123.899.004,đ (*Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn không trăm linh bốn đồng*), trong đó: Nợ gốc là 58.500.000,đ (*Năm mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*); Lãi dự thu là 37.537.493,đ (*Ba mươi bảy triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng*); Lãi phạt dự thu là 12.835.404,đ (*Mười hai triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm linh bốn đồng*); Lãi phạt dự thu gốc là 15.026.107,đ (*Mười lăm triệu không trăm hai mươi sáu nghìn một trăm linh bảy đồng*) và các khoản lãi tiếp tục phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi bà G và chị S trả xong các khoản nợ. Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục cho vay theo đúng các quy định của pháp luật và thoả thuận giữa ngân hàng với khách hàng, chị Vàng Thị S là người ký cam kết đồng trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay của bà G do đó ngân hàng yêu cầu chị S phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ theo đúng các quy định và thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1006/TDH/2016 ngày 02/6/2016 và thoả thuận tại mục 3 của Cam kết đồng trách nhiệm trả nợ ngày 24/5/2016.

\* Bị đơn bà Lê Thị Thu G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vàng Thị S: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà G, chị S đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng bà G và chị S đều không có mặt, không có lý do. Qua xác minh tổ trưởng tổ 5 phường N, thành phố H và đại diện công an phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang cung cấp: Bà Lê Thị Thu G và chị Vàng Thị S có tạm trú (*ở thuê nhà trọ*) tại tổ 5 phường N, thành phố H một thời gian vào khoảng năm 2016 nhưng không đăng ký hộ khẩu tạm trú tại tổ và cũng không tham gia sinh hoạt, đóng góp gì với tổ. Đại diện Công an xã T, huyện V tỉnh Hà Giang cung cấp: Bà Lê Thị Thu G là giáo viên dạy học ở trường tiểu học xã T từ năm 2011, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã, sau đó đã chuyển công tác hay đi đâu không thông báo cho chính quyền xã được biết. Hiện nay bà G không còn hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện V nữa. Đối với chị Vàng Thị S là người địa phương, có hộ khẩu thường trú tại thôn N1, xã T, huyện V nhưng hiện nay chị S đã đi khỏi địa phương đi làm ăn ở đâu không thông báo với địa phương nên địa phương không nắm được, thỉnh thoảng chị S có về thăm nhà xong lại đi luôn. Bà G và chị S hiện nay làm gì, ở đâu xã không nắm được.

Đại diện trường Tiểu học T A, huyện V nơi bà G công tác cũng xác nhận bà G đã tự ý bỏ việc, vi phạm quy chế nên đã bị UBND huyện V, tỉnh Hà Giang buộc thôi việc theo Quyết định số 164 ngày 05/02/2018, hiện nay bà G bỏ đi đâu nhà trường không biết, hiện nay bà G không còn chế độ gì tại nhà trường.

Toà án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 17/4/2020 và 07/5/2020. Tuy nhiên bà Lê Thị Thu G và chị Vàng Thị S đều không có mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hoà giải giữa các đương sự được.

\* Ý kiến của đại diện VKSND thành phố H:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71- BLTTDS. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72 - BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 280; 282; 288; 357; 463; 465; 466; 468; điểm b khoản 1 Điều 688 của BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc bà Lê Thị Thu G và chị Vàng Thị S phải liên đới trả ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày xét xử 18/6/2020 và khoản lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi bà Giang, chị S trả hết nợ.

- Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà G, chị S phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H. Địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Lê Thị Thu G, người đồng trách nhiệm trả nợ là chị Vàng Thị S. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị đơn bà Lê Thị Thu G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vàng Thị S đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, không thông báo địa chỉ mới cho ngân hàng biết được coi là cố tình che giấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định chung. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà Lê Thị Thu G và chị Vàng Thị S là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H đồng ý cho bà Lê Thị Thu G và người đồng trách nhiệm chị Vàng Thị S vay số tiền 190.000.000,đ (*Một trăm chín mươi triệu đồng*), mục đích vay để mua sắm vật dụng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 60 tháng, không có tài sản bảo đảm, bà Giang cam kết trích trả bằng tiền lương và thu nhập hàng tháng nhưng không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, xác định tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng Tín dụng (*Hợp đồng dân sự*) được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

[4] Về nội dung:

[4.1] Ngày 02 tháng 6 năm 2016 Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số 1006/TDH/2016 với bà Lê Thị Thu G để cho bà vay số tiền 190.000.000,đ (*Một trăm chín mươi triệu đồng*), mục đích vay để mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 60 tháng, không có tài sản bảo đảm, có người cam kết đồng trách nhiệm trả nợ, lãi suất cho vay do hai bên thoả thuận là 10,25%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần. Phương thức trả nợ gốc và lãi: Trả gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc trả đều hàng tháng là 60 kỳ, 59 kỳ đầu trả mỗi kỳ 3.170.000đ, kỳ cuối cùng trả 2.970.000đ vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ hạn trả lãi: Trả lãi vào 25 hàng tháng, theo dư nợ gốc giảm dần. Căn cứ vào việc xác nhận của lãnh đạo cơ quan bà Lê Thị Thu G đang công tác tại Trường Tiểu học A T, huyện V, tỉnh Hà Giang; Giấy uỷ quyền cho cơ quan giữ lại thu nhập để trả nợ; Cam kết đồng trách nhiệm trả nợ có chữ ký và nhất trí của chị Vàng Thị S ngày 24/5/2016, cùng với các thủ tục vay vốn hợp lệ của bà Lê Thị Thu G, ngày 02/6/2016 Ngân hàng đã giải ngân cho bà Lê Thị Thu G vay số tiền 190.000.000đ (*Một trăm chín mươi triệu đồng*) là đúng thực tế.

[4.2] Quá trình thực hiện hợp đồng bà G đã vi phạm cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng và để phát sinh nợ quá hạn. Xác định thời điểm vi phạm hợp đồng, để phát sinh nợ quá hạn với ngân hàng của bà G và bà S bắt đầu từ ngày 25/5/2017. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà G; chị S trả nợ và thực hiện nhiều biện pháp để xử lý, thu hồi nợ nhưng bà G đã tự ý nghỉ việc dẫn đến bị kỷ luật buộc thôi việc mà không thông báo trước cho ngân hàng như đã thoả thuận; chị Vàng Thị S là người cam kết đồng trách nhiệm trả nợ không thông báo cho ngân

hàng biết địa chỉ nơi ở mới và cố tình trốn tránh nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ngân hàng. Tính đến ngày 18/6/2020 bà G, chị S còn nợ Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi là 123.899.004,đ (*Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn không trăm linh bốn đồng*), trong đó: Nợ gốc là 58.500.000,đ (*Năm mươi tám triệu năm trăm nghìn*); Lãi dự thu là 37.537.493,đ (*Ba mươi bảy triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng*); Lãi phạt dự thu là 12.835.404,đ (*Mười hai triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm linh bốn đồng*); Lãi phạt dự thu gốc là 15.026.107,đ (*Mười lăm triệu không trăm hai mươi sáu nghìn một trăm linh bảy đồng*). Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thu G và người đồng trách nhiệm chị Vàng Thị S phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi nêu trên là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự và phù hợp với thoả thuận tại Điều 7, mục 7.1; Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 1006/TDH/2016 ngày 02/6/2016 (*BL 21-23*) và mục 3 của bản Cam kết đồng trách nhiệm trả nợ (*Cho vay tiêu dùng không TSBĐ*), ngày 24/5/2016 (*BL 30*).

[4.3] HĐXX thấy rằng khi ký kết hợp đồng vay vốn Ngân hàng và trong bản cam kết đồng trách nhiệm trả nợ bà Lê Thị Thu G và chị Vàng Thị S khai báo có mối quan hệ là mẹ con, việc thực hiện cam kết hợp đồng và thoả thuận với ngân hàng là tự nguyện, quá trình ngân hàng yêu cầu thanh toán các khoản nợ do quá hạn chị Vàng Thị S cũng không có ý kiến gì. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà G và chị S liên đới chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 18/6/2020 là 123.899.004,đ (*Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng*). Bà G và chị S phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 19/6/2020 đến khi trả hết khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 288, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Bà Lê Thị Thu G và chị Vàng Thị S cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu của mình. Do đó HĐXX không có căn cứ để xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; điểm b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Lê Thị Thu G và chị Vàng Thị S phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 138; Điều 140; Các Điều 280; 282; 288; 357; 463; 465; 466; 468; điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 180;

khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016*).

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh tỉnh H về việc yêu cầu bà Lê Thị Thu G và chị Vàng Thị S liên đới chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 1006/TDH/2016 ngày 02 tháng 6 năm 2016.

Xử: Buộc bà Lê Thị Thu G và chị Vàng Thị S liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh tỉnh Hà Giang, tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 123.899.004,đ (*Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn không trăm linh bốn đồng*), trong đó: Nợ gốc là 58.500.000,đ (*Năm mươi tám triệu năm trăm nghìn*); Lãi dự thu là 37.537.493,đ (*Ba mươi bảy triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng*); Lãi phạt dự thu là 12.835.404,đ (*Mười hai triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm linh bốn đồng*); Lãi phạt dự thu gốc là 15.026.107,đ (*Mười lăm triệu không trăm hai mươi sáu nghìn một trăm linh bảy đồng*).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 18/6/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.*

2. Về án phí: Bà Lê Thị Thu G và chị Vàng Thị S phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.194.950,đ (*Sáu triệu một trăm chín mươi tư nghìn chín trăm năm mươi đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0002013 ngày 24/02/2020 (*do ông Nguyễn Thanh B nộp thay*).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Lê Thị Thu G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vàng Thị S vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh HG;
- VKSNDTPH;
- Các đương sự;
- THADSTPH;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Mỹ Lệ**